

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2020/HS-ST**

Ngày 26/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Phong**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

2/ Ông **Nguyễn Thành Thái**

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*  
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐXXST– HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Thị T**, sinh năm 1979 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Phạm Quang Th, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1962; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà **Lâm Bông K**, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh K

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 21 giờ, ngày 21/9/2019 Trần Thị T đi ngang nhà chị Nguyễn Thị H tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K, T nhìn vào nhà bà H thấy có một chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 68C1 – 165.73, loại xe Air back, màu xám, đen, bạc của bà Lâm Bông K đang đậu trước sân bên trong nhà bà H. Lúc này, T nghĩ chiếc xe trên là của bà H (do giữa bà H và T trước đó có mâu thuẫn với nhau) nên T nảy sinh ý định trộm chiếc xe trên. Để thực hiện ý định trên T quan sát xung quanh thấy không có người nên đã lén lút đi vào bên trong sân, T dắt xe trên ra khỏi cổng đẩy đi dọc theo lộ nông thôn cách nhà của bà H khoảng 150m về hướng chợ Thạnh Lộc thì đẩy chiếc xe trên xuống sông, mục đích không cho ai tìm được xe. Sau khi bị mất xe, bà K đến trình báo công an xã Thạnh Lộc. Đến sáng ngày 22/9/2019 người dân phát hiện xe của bà K và báo cho Công an xã đến thu giữ.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 37 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận:

Tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIR BLADE, màu sơn xám - đen-bạc, số máy JF6E2001769, số khung 4615EY600824, biển số kiểm soát 68C1-165.73 có giá trị là 18.566.583 đồng.

Tài sản chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 68C1-165.73 bị hư hại do ngâm nước có giá trị thiệt hại là 10.421.637 đồng.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại bà Lâm Bông K: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AIR BLADE, màu sơn xám-đen-bạc, số máy JF6E2001769, số khung 4615EY600824, biển số kiểm soát 68C1-165.73.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại bà K đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe với số tiền là 10.785.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

**Tại bản cáo trạng số:** 09/CT-VKS-CT ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành áp dụng Điều 319, khoản 3 Điều 321 Bộ luật tố tụng hình sự, chuyển tội danh của

bị cáo từ tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sang thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị T** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 585, Điều 589 Bộ luật tố tụng hình sự, xử buộc bị cáo T phải bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bà Lâm Bông K với số tiền là 10.785.000 đồng, bị cáo được khấu trừ số tiền 5.500.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi người bị hại và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do có mâu thuẫn cá nhân nên vào khoảng 21 giờ, ngày 21/9/2019 Trần Thị T đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị H trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K thì nhìn thấy trước sân có chiếc xe mô tô mang biển số kiểm soát 68C1 – 165.73, loại xe Airback, màu xám, đen, bạc đang đậu (xe này thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Bông K). Do nghĩ chiếc xe trên là của bà H nên T quan sát xung quanh thấy không có người nên đã lén lút lấy

chiếc xe trên dẫn đi về hướng chợ Thạnh Lộc sau đó đẩy xe xuống sông rồi đi về nhà. Đến sáng ngày 22/9/2019 người dân phát hiện xe của bà K và trình báo cho Công an xã đến thu giữ. Theo kết quả định giá tài sản thì chiếc xe mà bị cáo đẩy xuống sông bị hư hại do ngâm nước là 10.421.637 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự thì “*Người nào cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, việc bị cáo cố ý đẩy xe bị hại xuống sông để gây hư hại và do giá trị tài sản mà bị cáo làm hư hỏng trên 2.000.000 đồng (10.421.637 đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực nên nhận thức rõ được các quy định của pháp luật cũng như nhận thức được hậu quả từ việc làm sai trái mà bị cáo đã gây ra. Thế nhưng qua vụ án này cho thấy xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ cá nhân mà bị cáo đem lòng tức giận nên khi đi ngang qua nhà bà H nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 68C1 – 165.73, loại xe Airback đang đậu trước sân không người trông giữ, bị cáo nghĩ chiếc xe trên là của bà H nên đã cố ý dẫn chiếc xe trên đem đi đẩy xuống sông với mục đích làm hư hỏng cho hả giận. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án nên hành vi này cần phải được xử lý tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hơn ½ hậu quả cho người bị hại nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo lại có nơi cư trú rõ ràng nên đối chiếu theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đã đủ nghiêm.

[5] Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị chuyển tội danh của bị cáo từ tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sang thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như phần tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy bị cáo nghĩ rằng chiếc xe trên là của bà H nên muốn làm hư hỏng cho hả cơn giận vì giữa bị cáo với bà H có xảy ra mâu thuẫn nên khi nhìn thấy xe đậu trước sân nhà bà H bị cáo nghĩ đây là xe của bà H nên lấy xe đẩy xuống sông nhằm mục đích làm hư hỏng tài sản chứ bị cáo không có ý định chiếm đoạt chiếc xe bị hại để phục vụ cho mục đích bản thân bị cáo. Do đó, HĐXX xét thấy việc đại diện VKS đề nghị chuyển tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật, đề nghị này cũng nhằm có lợi cho bị cáo nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Lâm Bông K yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa chiếc xe mà bị cáo làm hư hỏng của bà với số tiền là 10.785.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà K và đã tạm nộp trước được 5.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án để khắc phục cho bị hại nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.*

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Trần Thị T phải bồi thường cho bà Lâm Bông K số tiền 10.785.000 đồng, bị cáo được khấu trừ số tiền 5.500.000 đồng đã nộp

trước theo biên lai thu tiền số: 01476 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Thanh Phong**